TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2018/DS-PT
Ngày 31-7-2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Kim Khánh.

Các thẩm phán: Ông Trương Công Bình và bà Nguyễn Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Vượng – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 221/2017/TLPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Do Bản án sơ thẩm số 115/2017/DS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 90/2018/QĐ-PT ngày 15 tháng 6 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 99 ngày 03/7/2018, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N; địa chỉ: số x, đường P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

* *Bị đơn:* Bà Võ Thị L; địa chỉ: thôn T, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Võ Thị L: Luật sư Phan Ngọc N; địa chỉ: đường NB, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày*:

Ngày 20/06/2016 bà Võ Thị L có vay của bà Nsố tiền 230.000.000 đồng và hẹn đến ngày 20/7/2016 sẽ trả lại cho bà. Tiếp đến ngày 04/04/2017 bà L vay tiếp

550.000.000 đồng và hẹn 03 ngày sau sẽ hoàn trả. Việc vay mượn đã được các bên lập thành văn bản. Lãi suất các bên thỏa thuận 3%/tháng nhưng không ghi trong hợp đồng vay. Đến thời hạn trả nợ bà Nđã nhiều lần yêu cầu bà L phải hoàn trả số tiền gốc và lãi cho bà, nhưng bà L vẫn không trả. Ngày 10/5/2017 bà Nkhởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà Võ Thị L phải trả cho bà số tiền 780.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ 20/7/2016. Sau khi khởi kiện thì bà L đã trả cho bà Nsố tiền 550.000.000 đồng của khoản vay ngày 04/4/2017, ngày 22/5/2017 bà Nrút yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay này. Vì vậy, bà N yêu cầu bà L phải tiếp tục trả cho bà số tiền 230.000.000 đồng. Về lãi suất bà Nkhông yêu cầu bà L phải trả.

**Bị đơn bà Võ Thị L và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:*

Bà Võ Thị L có vay mượn tiền của bà N một vài lần nhưng bà L đã hoàn trả hết tiền vay cho bà N. Khoản tiền vay 230.000.000 đồng bà L chưa bao giờ nghe bà Nnhắc tới và đòi lần nào. Lần gần nhất bà vay của bà N550.000.000 đồng và bà đã hoàn trả hết cho bà Nga. Số tiền 230.000.000 đồng bà không vay nên bà không có trách nhiệm trả cho bà N. Chữ ký trong giấy vay nợ đề ngày 20/6/2016 không phải chữ ký và chữ viết của bà Võ Thị L.

Tại bản tự khai ngày 28/7/2017 bị đơn bà Võ Thị L không thừa nhận khoản vay ngày 20/6/2016 nhưng thừa nhận chữ ký và chữ viết trong giấy vay ngày 20/6/2016 là của bà. Tuy nhiên, quá trình hòa giải, đối chất bà L lại không thừa nhận và có đơn đề nghị Tòa án tiến hành trưng cầu giám định chữ ký trên giấy vay ngày 20/6/2016. Căn cứ vào yêu cầu của bà L, Tòa án đã ban hành quyết định trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết trong giấy vay tiền. Mặc dù là người yêu cầu giám định nhưng bà L không nộp tiền chi phí giám định, nên để bảo vệ yêu cầu khởi kiện của mình bà N đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định. Kết quả giám định thể hiện chữ ký và chữ viết trong giấy vay tiền ngày 20/6/2016 và các chữ ký chữ viết trong các tài liệu có trong hồ sơ vụ án mà bà L ký là do cùng một người ký và viết ra.

** Tại bản án sơ thẩm số 115/2017/DS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định như sau:*

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147, điểm a khoản 1 Điều 220; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 21/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

***Tuyên xử*:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Buộc bà Võ Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 230.000.000 đồng *(Hai trăm ba mươi triệu đồng)*

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án khi có đơn yêu cầu thi hành án.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nđối với khoản vay ngày 04/4/2017 với số tiền 550.000.000 đồng *(Năm trăm năm mươi triệu đồng)* do bà Nrút đơn khởi kiện.

Ngoài ra bản án còn tuyên chi phí giám định, án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Không đồng ý với quyết định bản án, ngày 25/10/2017 bà Võ Thị L đã có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 115/2017/DS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột với lý do: Tòa sơ thẩm tuyên xử không thỏa đáng vì bản thân bà không vay tiền của bà Nnhư nguyên đơn khởi kiện, chữ ký trong giấy vay tiền không phải do bà ký.

Sau khi kháng cáo bà Võ Thị L cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08 ngày 14/6/2017, cấm chuyển dịch tài sản là quyền sử dụng đất của bà, nhưng Tòa án lại không triệu tập người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là những người con của bà L và không triệu tập ông Trần X và bà Trịnh Thị P, là những người mà bà L đã chuyển nhượng một phần diện tích đất của bà là vi phạm tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của những người này.

Ngày 05/01/2018 bà Võ Thị L có đơn đề nghị Tòa cấp phúc thẩm trưng cầu giám định lại chữ ký và chữ viết trong chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý vụ án đến phiên toà xét xử vụ án.

Về nội dung: Sau khi phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình diễn biến tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn về nội dung vay tiền, mà chỉ chấp nhận việc hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08 ngày 14/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, do nguyên đơn bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu hủy bỏ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên – Tòa án nhận định như sau:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn được nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm và được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

Về nội dung: Bà Nguyễn Thị N khởi kiện bà Võ Thị L, yêu cầu bà L phải trả số tiền 230.000.000 đồng mà bà L vay của bà Ntheo giấy vay tiền đề ngày ngày 20/06/2016.

Xét kháng cáo của bà Võ Thị L cho rằng bà L không vay khoản tiền 230.000.000 đồng của bà N, chữ ký và chữ viết trong giấy vay tiền đề ngày 20/6/2016 không phải do bà ký, Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa bà N với bà L là chỗ quen biết, bà L cũng thừa nhận đã một vài lần vay tiền của bà N, nhưng bà đã trả hết. Cụ thể là lần vay gần đây nhất, bà L đã trả cho bà N550.000.000 đồng theo giấy vay ngày 04/4/2017. Tuy nhiên, bà L cho rằng bà không ký vào giấy vay tiền ngày 20/6/2016, nên sau khi kháng cáo bà L đã yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giám định lại chữ ký, chữ viết trong Giấy vay tiền đề ngày 20/6/2016. Tại kết luận giám định số 925/C54B ngày 03/4/2018 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chính Minh kết luận: Chữ ký, chữ viết họ tên "Võ Thị L" dưới mục "Bên vay" trên "Giấy vay tền" đề ngày 20/6/2016 so với chữ ký, chữ viết mang tên Võ Thị L trên các tài liệu khác so sánh là do cùng một người ký, viết ra. Như vậy, qua hai lần giám định thì đều xác định chữ ký và chữ viết tại giấy vay tiền đề ngày 22/6/2016 là của bà L. Việc bà L cho rằng bà không ký vào giấy vay tiền đề ngày 20/6/2016 là không có cơ sở. Do đó, Bản án sơ thẩm số 115/2017/DS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã buộc bà Võ Thị L phải trả khoản tiền vay cho bà Nguyễn Thị N nói trên là hoàn toàn có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Bộ luật dân sự 2015 (có hiệu lực 2017) để giải quyết hợp đồng vay tài sản giữa bà Nvà bà L là chưa chính xác. Vì giao dịch dân sự các bên đã thực hiện trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực thi hành. Do vậy phải sửa phần áp dụng pháp luật theo quy định tại Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết thì mới phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Đối với việc bị đơn bà Võ Thị L cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08 ngày 14/6/2017 cấm hoặc buộc một hành vi nhất định về tài sản là quyền sử dụng đất của bà, nhưng Tòa án lại không triệu tập người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là những người con của bà L và không triệu tập ông Trần X và bà Trịnh Thị P, là người mà bà L đã chuyển nhượng một phần diện tích đất là vi phạm tố tụng, nên bà L đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08 ngày 14/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần ra quyết

định hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định tại khoản 2 Điều 112 và khoản 1 Điều 138 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là phù hợp. Do quyết định áp dụng khẩn cấp tạm thời bị hủy bỏ, nên Hội đồng xét xử không cần thiết phải xem xét đối với yêu cầu này của bị đơn nữa.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo đối với hợp đồng vay tài sản của bị đơn bà Võ Thị L, nhưng cần chấp nhận phần yêu cầu hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08 ngày 14/6/2017 của bị đơn, do nguyên đơn đã có đơn yêu cầu hủy bỏ.

[3] Về chi phí giám định: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm bà L đã làm đơn yêu cầu Tòa án tiến hành giám định chữ ký và đã nộp tạm ứng chi phí giám định tại Tòa án là 5.000.000 đồng. Kết quả giám định lần hai vẫn xác định chữ ký và chữ viết trong giấy vay tiền là của bà Võ Thị L. Vì vậy, cần buộc bà L phải chịu số tiền chi phí giám định là 2.411.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng chi phí giám định. Bà L đã được trả lại số tiền 2.589.000 đồng theo biên bản giao nhận ngày 28/5/2018.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do được chấp nhận một phần kháng cáo nên bà Võ Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 112; Điều 138; Điều 159, Điều 160, Điều 161, Điều 162, Điều 224 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án - Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 115/2017/DSST ngày 12/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08 ngày 14/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma thuột.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Buộc bà Võ Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 230.000.000 đồng *(Hai trăm ba mươi triệu đồng)*

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án khi có đơn yêu cầu thi hành án.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nđối với khoản vay ngày 04/4/2017 với số tiền 550.000.000 đồng *(Năm trăm năm mươi triệu đồng)* do bà Nrút đơn khởi kiện.

3. Về chi phí giám định:

- Bà Võ Thị L phải chịu chi phí giám định chữ ký tại cấp sơ thẩm với số tiền 3.960.000 đồng. Bà Nguyễn Thị N được nhận lại số tiền giám định chữ ký là 3.960.000 đồng sau khi thu được từ bà Võ Thị L.

- Bà Võ Thị L phải chịu chi phí giám định tại cấp phúc thẩm với số tiền là 2.411.000 đồng, bà L đã nộp xong.

4. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị L phải nộp 11.500.000 đồng *(Mười một triệu năm trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Nguyễn Thị N số tiền 17.600.000 đồng *(Mười bảy triệu sáu trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai số 0000438 ngày 17/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà L số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000551 ngày 02/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột , tỉnh Đắk Lắk (do Nguyễn Phương Hồng D nộp thay).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Hoàng Kim Khánh